

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2025/DS-PT
Ngày: 14-4-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Thật**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Trung Tín**

Bà **Bùi Thị Ân**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Tuấn Kiệt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Đăng Phương Huệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLPT-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Đỗ Quý M**, sinh năm 1952, địa chỉ: Số A đường H, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 18/10/2023):

1. Ông **Võ Minh N**, sinh năm 1995; địa chỉ: Số A đường L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Ông **Hà Thanh B**, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Lê Công S**; địa chỉ: Số A đường V, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông **Đỗ Quý M**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông **Đỗ Quý M** và quá trình giải quyết vụ án ông **Võ Minh N** là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ông **Đỗ Quý M** có quen biết với ông **Lê Công S** từ lâu nên vào khoảng tháng 03/2016, ông **S** đã ngỏ ý mượn của ông **M** một khoảng tiền trong thời gian ngắn để làm ăn và sẽ trả lãi cho ông **M**. Vì tin tưởng nên ông **M** cũng đồng ý cho ông **S** vay

300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), lãi suất vay là 1%/tháng, ông S hẹn sẽ trả nợ vào ngày 11/9/2016. Hai bên có lập Giấy xác nhận nợ ngày 11/3/2016 thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Tuy nhiên, trong suốt quá trình vay tiền, ông S không trả nợ gốc và lãi vay cho ông M. Ông M đã nhiều lần yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông S lấy lý do là công việc làm ăn của ông S gặp nhiều khó khăn nên sẽ sắp xếp để trả sớm cho ông M cả gốc lẫn lãi vay. Chính vì vậy, ông M hết lần này đến lần khác thông cảm, tạo điều kiện cho ông S, đồng thời ông S cũng lập các Giấy xác nhận nợ ngày 07/5/2018 và ngày 07/10/2020 để làm tin với ông M.

Theo Giấy xác nhận nợ ngày 07/10/2020, ông Lê Công S cam kết sẽ trả nợ chậm nhất là ngày 07/11/2021, thế nhưng ông S tiếp tục bội ước mà không chịu trả nợ cho ông M. Chưa dừng lại ở đó, khi ông M nhắn tin, gọi điện và thậm chí là đến nhà để đòi, ông S nói rằng sẽ không trả, thách thức ông M khởi kiện và còn dọa đánh ông, đánh người nhà của ông. Ông M nhận thấy rằng, việc ông Lê Công S vay tiền nhưng không trả là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Căn cứ quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, bên vay phải có nghĩa vụ trả đầy đủ số tiền đã vay khi đến hạn và trả lãi vay mà hai bên thỏa thuận, trường hợp quá thời hạn trả nợ nhưng bên vay không chịu trả thì ngoài nợ gốc, nợ lãi, bên vay có nghĩa vụ phải chịu lãi chậm trả trên số tiền chưa trả tính trên thời gian chậm trả.

Số tiền gốc mà ông Lê Công S còn nợ ông M là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), số tiền lãi trong thời hạn vay từ ngày 11/3/2016 đến ngày 07/11/2021 (67 tháng 07 ngày) mà ông S phải trả theo lãi suất 1%/tháng là: $300.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 67 \text{ tháng} = 201.693.000 \text{ đồng}$ (Hai trăm linh một triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn đồng).

Mặt khác, ngày ông Lê Công S bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ là từ ngày 08/11/2021, căn cứ Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, ông S phải chịu lãi chậm trả trên số tiền gốc bị quá hạn chưa trả và chịu lãi chậm trả trên số tiền lãi mà hai bên thỏa thuận nhưng ông S chưa trả. Cụ thể

+ Đối với số tiền gốc 300.000.000 đồng, căn cứ điểm b Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, bên vay phải chịu lãi bằng 150% lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại thời điểm vay ($150\% \times 1\%/\text{tháng} = 1,5\%/\text{tháng}$ hoặc $0.05\%/\text{ngày}$), số tháng chậm trả từ ngày bắt đầu vi phạm 08/11/2021 tính đến ngày xét xử 18/9/2024 là: $300.000.000 \text{ đồng} \times 0.05\%/\text{ngày} \times 1045 \text{ ngày} = 156.750.000 \text{ đồng}$.

+ Đối với số tiền lãi vay 201.693.000 đồng, căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, bên vay phải chịu lãi chậm trả đối với tiền lãi vay chưa trả là 10%/năm (hoặc $0.027\%/\text{ngày}$), tính từ ngày quá hạn 08/11/2021 đến ngày 18/9/2024 là: $201.693.000 \text{ đồng} \times 0.027\%/\text{ngày} \times 1045 \text{ ngày} = 56.907.680 \text{ đồng}$.

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông M đã khởi kiện ông Lê Công S ra Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Công S phải thực hiện thanh toán cho ông M các khoản tiền cụ thể như sau:

1. Số tiền gốc đã vay của ông M là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)
2. Số tiền lãi vay trong thời hạn vay chưa thanh toán là 201.693.000 đồng (Hai trăm linh một triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn đồng);
3. Số tiền lãi vay quá hạn do chậm trả tiền nợ gốc tính đến ngày 18/9/2024 là 156.750.000 đồng;

4. Số tiền lãi do chậm trả tiền lãi vay trong hạn tính đến ngày 18/9/2024 là 56.907.680 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông S phải trả cho ông M là: 300.000.000 đồng + 201.693.000 đồng + 156.750.000 đồng + 56.907.680 đồng = 715.350.680 đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng tại Tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ vào Điều 463, khoản 4 Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự, quyết định: Buộc ông Lê Công S phải trả cho ông Đỗ Quý Mã S1 tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/11/2021 đến ngày 18/9/2024 là 84.645.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông Lê Công S phải trả cho ông Đỗ Quý M là 384.645.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả số tiền lãi vay trong thời hạn vay chưa thanh toán là 201.693.000 đồng, tiền lãi quá hạn do chậm trả tiền nợ gốc tính đến ngày 18/9/2024 là 156.750.000 đồng và tiền lãi do chậm trả tiền lãi vay trong hạn tính đến ngày 18/9/2024 là 56.907.680 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quy định chung và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24/9/2024, nguyên đơn Đỗ Quý M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Quý Mã đề N1 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc và các khoản tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả để đảm quyền và lợi ích cho nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền nợ gốc 300.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày ngày 08/11/2021 đến ngày 18/9/2024, lãi suất theo tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; không chấp nhận yêu cầu phần trả lãi theo lãi suất 1%/tháng, lãi quá hạn và lãi chậm trả đối với khoản vay theo yêu cầu của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 18/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tuyên Bản án số: 110/2024/DS-ST; ngày 24/9/2024, nguyên đơn kháng cáo nên việc kháng cáo trong thời hạn và được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn ông Lê Công S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của BLTTDS 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tiền nợ gốc: Tại các giấy xác nhận nợ ngày 11/3/2016, ngày 07/5/2018 và ngày 07/10/2020 giữa ông Lê Công S và ông Đỗ Quý M xác nhận ông S mượn ông M 300.000.000đ và có chữ ký xác nhận của ông S. Theo giấy xác nhận nợ cuối cùng lập ngày 07/10/2020, các bên đã chốt số tiền vay là 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 07/10/2020 đến ngày 07/11/2021. Hội đồng xét xử xác định nội dung, hình thức các giấy xác nhận nợ cơ bản phù hợp với quy định tại Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015, nên các giấy này bản chất là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015 và có giá trị pháp lý phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa ông S và ông M; ông S vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông M khởi kiện yêu cầu ông S phải trả số tiền nợ gốc 300.000.000đ là có căn cứ.

[2.2] Về tiền lãi: Tại các giấy xác nhận nợ ngày 11/3/2016, ngày 07/5/2018 và ngày 07/10/2020 giữa ông Lê Công S và ông Đỗ Quý M có thể hiện nội dung lãi suất, tuy nhiên nội dung này nằm phần cuối trang giấy, dưới chữ ký và chữ viết xác nhận nợ của ông S; đồng thời ông M không có tài liệu nào khác xác định các bên có thỏa thuận lãi suất 1%/ tháng và cũng không có sự thừa nhận của ông S về phần lãi suất. Do đó, việc ông M yêu cầu tính lãi 1%/tháng là không có căn cứ. Vì vậy, việc tính lãi suất được xác định theo quy định khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm, thời gian được tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 08/11/2021 đến ngày 18/9/2024 tương đương số tiền 84.645.000 đồng.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định Bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Quý M.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Đỗ Quý M thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự phúc thẩm; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, khoản 4 Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015.
- Căn cứ các Điều 147, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Quý M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Lê Công S phải trả cho ông Đỗ Quý M 384.645.000 đồng, trong đó tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/11/2021 đến ngày 18/9/2024 là 84.645.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả số tiền lãi vay trong thời hạn vay chưa thanh toán là 201.693.000 đồng, tiền lãi quá hạn do chậm trả tiền nợ gốc tính đến ngày 18/9/2024 là 156.750.000 đồng và tiền lãi do chậm trả tiền lãi vay trong hạn tính đến ngày 18/9/2024 là 56.907.680 đồng.

3. Về án phí:

- Ông Lê Công S phải chịu 19.232.250 đồng (*mười chín triệu hai trăm ba mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đỗ Quý M thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

** Quy định chung:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. Nha Trang;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Thật

